

**CÔNG TY TNHH ĐMK THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐMK THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY ĐMK

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110169217

**3. Ngày thành lập:** 02/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11 ngõ 406 đường Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962880674

Fax:

Email: [congytnhdmk@gmail.com](mailto:congytnhdmk@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) | 4610     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;</li> <li>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;</li> <li>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;</li> <li>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;</li> <li>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;</li> <li>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;</li> <li>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;</li> <li>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;</li> <li>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;</li> <li>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.</li> </ul> | 4659 |
| 5. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;</li> <li>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;</li> <li>- Bán buôn sơn và véc ni;</li> <li>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;</li> <li>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;</li> <li>- Bán buôn kính phẳng;</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;</li> <li>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;</li> <li>- Bán buôn bình đun nước nóng;</li> <li>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;</li> <li>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.</li> </ul>                                                                                                                                                                            | 4663 |
| 6. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 7. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299 |
| 8. | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế, tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);</li> <li>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 155 Luật Xây dựng năm 2014)</li> <li>- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây dựng năm 2014 ngày 18/06/2014);</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án (Điều 94 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng)</li> <li>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Theo quy định tại Điều 41 nghị định 136/2020/NĐ-CP)</li> </ul> | 7110(Chính) |
| 10. | <p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra âm thanh và chấn động;</li> <li>- Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...;</li> <li>- Kiểm tra trong lĩnh vực vệ sinh thực phẩm, bao gồm kiểm tra thú y và điều khiển quan hệ với sản xuất thực phẩm;</li> <li>- Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...;</li> <li>- Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy;</li> <li>- Kiểm tra hiệu ứng của máy đã hoàn thiện: Mô tô, ô tô, thiết bị điện...;</li> <li>- Kiểm tra kỹ thuật hàn và môi hàn;</li> <li>- Phân tích lỗi;</li> </ul>                                                                                                        | 7120        |
| 11. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;</li> <li>- Hoạt động trang trí nội thất.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7410        |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2220        |
| 15. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2392        |
| 16. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2394        |
| 17. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2395        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2640        |
| 19. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2651        |
| 20. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2710        |
| 21. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2790        |

|     |                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                  | 2811 |
| 23. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                          | 2812 |
| 24. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                            | 2814 |
| 25. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                   | 2818 |
| 26. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                            | 2819 |
| 27. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                           | 2822 |
| 28. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                           | 2829 |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                       | 4791 |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                          | 7730 |
| 31. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                              | 3312 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                  | 3313 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                  | 3314 |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                       | 4101 |
| 35. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                 | 4102 |
| 36. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                           | 4211 |
| 37. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                            | 4212 |
| 38. | Xây dựng công trình điện                                                                                                | 4221 |
| 39. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                     | 4222 |
| 40. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                      | 4223 |
| 41. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                       | 4229 |
| 42. | Phá dỡ<br>(không bao gồm hoạt động rà, phá bom mìn)                                                                     | 4311 |
| 43. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm hoạt động rà, phá bom mìn)                                                          | 4312 |
| 44. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ – điện lạnh, hệ thống điện công trình dân dụng, điện công nghiệp | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CẦN VĂN ĐÀ     | Việt Nam  | Thôn Đầu Làng, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                           | 300.000.000           | 16,667    | 001080039001                                                                                            |         |
| 2   | ĐỖ THỊ MAI     | Việt Nam  | Số 11 ngõ 406 đường Xuân Phương, Tổ dân phố số 7, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.500.000.000         | 83,333    | 001183002306                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CẦN VĂN ĐÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001080039001

Ngày cấp: 01/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đầu Làng, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đầu Làng, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội